TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 02-8-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Nghĩa;

2. Ông Trịnh Minh Tường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Ngọc Triều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phan Thị N, sinh năm 1964; có đơn xin vắng mặt.

Cư trú tại: tổ 13, ấp S, xã T, huyện T, Tây Ninh.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1964; vắng mặt.

Cư trú tại: tổ 13, ấp S, xã T, huyện T, Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 3 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Phan Thị N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Ngọc Th tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1996, không có đăng ký kết hôn. Từ năm 2018 cho đến nay, ông Th không chăm lo cho gia đình, ông thường xuyên đi uống rượu, cờ bạc và nhiều lần cầm cố xe gắn máy

và điện thoại để đánh bạc. Bà đã nhiều lần khuyên can nhưng ông Th không thay đổi. Do vậy bà N yêu cầu ly hôn với ông Th.

Về con chung: bà và ông Th có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1997, đã thành niên và có gia đình riêng, bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc Th đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để làm việc nhưng ông Th không đến nên Tòa án không thể lấy lời khai của ông Th và không tiến hành thủ tục hòa giải được. Do đó, Tòa án đã tiến hành đầy đủ thủ tục đúng theo quy định để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Phan Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Bà Phan Thị N và ông Nguyễn Ngọc Th chung sống vợ chồng vào năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên tranh cãi, nguyên nhân là do ông Th ham mê cờ bạc, không lo làm việc phụ giúp gia đình. Nay bà N yêu cầu ly hôn với ông Th. Việc bà N và ông Th chung sống nhưng không đăng ký kết hôn nên đã vi phạm quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Bà N yêu cầu ly hôn, do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận bà N và ông Th là vợ chồng. Về con chung: không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra giải quyết. Về án phí: bà N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Phan Thị N có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Ngọc Th đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà N, ông Th.

[2] Về hôn nhân: Bà Phan Thị N và ông Nguyễn Ngọc Th có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông Th không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà N và ông Th có một con chung tên là Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 02/4/1997, đã thành niên nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phan Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không công nhận bà Phan Thị N và ông Nguyễn Ngọc Th là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Phan Thị N và ông Nguyễn Ngọc Th có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 02/4/1997, đã thành niên nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phan Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003750 ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Bà Phan Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV.TAT (1);
- VKSND huyện Tân Biên (2);
- Chi cục THADS huyện Tân Biên (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án (P).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phương